

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-ST
Ngày 28-5-2024
“Về việc tranh chấp tiền hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về “tranh chấp tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn trình bày yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn T làm chủ hụi tại địa phương ở xã H - huyện C, bà Nguyễn Thị D có tham gia vô dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 20/7/2022 âm lịch, hụi gồm 34 chung, tháng khai 01 lần vào ngày 20, đến kỳ thứ 15 ngày 20/9/2023 thì bà D bỏ hụi để hốt, số tiền hốt hụi được khoảng 29 triệu đồng, nhưng ông T không giao hụi, đồng thời ông T cũng không đi gom hụi của bà D.

Do chung hụi này bà D hốt hụi ở kỳ thứ 15, mà ông T không giao tiền hụi chết với số tiền khoảng 29 triệu đồng, sau khi đối trừ và trừ tiền hụi chết khi mãn hụi thì bà D yêu cầu ông T trả số tiền hụi còn nợ là 15.000.000 đồng. Nhưng ông T không

chịu trả.

Sự việc bà **D** yêu cầu **T1** hòa giải **ấp T** hòa giải nhưng không thành.

Nay bà **Nguyễn Thị D** yêu cầu ông **Nguyễn Văn T** có trách nhiệm trả số tiền hụi còn nợ là 15.000.000 đồng. Ngoài ra, bà **D** không có yêu cầu gì khác.

* Đối với ông **Nguyễn Văn T** đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông **T** không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của bà **Nguyễn Thị D**.

* Tại phiên tòa:

- Bà **Nguyễn Thị D** trình bày: Bà **D** bảo lưu yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Văn T** phải trả số tiền hụi là 15.000.000 đồng.

- Ông **Nguyễn Văn T** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông **Nguyễn Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử lần 2, nhưng ông **T** vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông **Nguyễn Văn T**.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà **Nguyễn Thị D** yêu cầu ông **Nguyễn Văn T** cư trú tại: **ấp T, xã H, huyện C** trả số tiền hụi còn nợ. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp tiền hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Xét yêu cầu của bà **Nguyễn Thị D** và chứng cứ thể hiện trong hồ sơ:

Vào năm 2020 ông **Nguyễn Văn T** làm chủ hụi tại địa phương, với mục đích là hùn vốn phát triển kinh tế của hộ gia đình, phía bà **D** đã tham gia vô hụi nhiều lần; đến năm 2022, ông **T** tiếp tục mở dây hụi 1.000.000 đồng, bà **D** vô 01 chung hụi, bà **D** hốt hụi nhưng ông **T** không giao hụi, sau khi hốt hụi và đối trừ các khoản tiền đến khi mãn hụi thì bà **D** yêu cầu ông **T** trả số tiền hụi còn nợ là 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ông **T** không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà **D** khởi kiện.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Ông Nguyễn Văn T làm chủ hội tại địa phương và phía bà D có tham gia vô hội là thực tế xảy ra, được thể hiện qua giấy giao kèo hội, danh sách hội đều do ông Nguyễn Văn T đứng tổ trưởng (chủ hội).

- Đối với số tiền hội bà D yêu cầu ông T trả là có cơ sở, do tại buổi hòa giải tại Tổ hòa giải của ấp T ngày 21/12/2023, thì ông T thừa nhận việc bà D có vô hội, bà D có hốt hội, nhưng ông T không chung hội là do ông T yêu cầu đối trừ số tiền hội của con bà D còn nợ.

- Đối với ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và phiên hòa giải nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà D khởi kiện, cũng như trình bày quá trình vô hội, hốt hội và đóng hội của bà D để bảo vệ quyền lợi của ông T. Do đó, ông T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền hội còn nợ là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ, buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền hội còn nợ là 15.000.000 đồng.

Trường hợp ông T chậm thanh toán số tiền hội nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với việc con bà D nợ tiền hội của ông T, thì ông có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí với số tiền = 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí, phần bà D nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

[3.3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với ông Nguyễn Văn T về việc thanh toán tiền hụi.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền hụi còn nợ là 15.000.000 đồng

Ngoài ra, kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T chậm thanh toán số tiền hụi nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí với số tiền là 750.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Bà Nguyễn Thị D nộp tạm ứng án phí với số tiền 375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012901 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, nay bà D được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*****Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn